

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN TUYÊN QUANG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 15

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN TUYỀN QUANG

Số nhà 146, đường Tân Hà, tổ 13, phường Minh Xuân,
thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần chế biến lâm sản Tuyên Quang (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc

Ông Trần Hoài Trung Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đại Dương.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám Đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám Đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám Đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám Đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám Đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Trần Hoài Trung
Giám đốc

Tuyên Quang, ngày 23 tháng 09 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020, một số khoản công nợ phải thu phát sinh từ các năm trước với số tiền là 867.346.341 đồng đã quá thời hạn thanh toán, tuy nhiên Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và đưa ra các phương án xử lý nợ khó đòi đối với các khoản công nợ này.

Tại ngày 31/12/2020, giá trị hàng tồn kho là 6.563.575.458 đồng bao gồm: Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí SXKD dở dang, thành phẩm đã tồn đọng từ nhiều năm trước chưa được Công ty đánh giá khả năng thu hồi và trích lập dự phòng giảm giá đối với hàng tồn kho này.

Giá trị khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang phát sinh từ các năm trước với giá trị là 7.433.261.754 đồng chưa được quyết toán và ghi nhận tăng tài sản cố định của Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 31/12/2020, số lỗ lũy kế của Công ty đã vượt quá số vốn chủ sở hữu là 12.292.035.268 đồng. Điều này cho thấy sự mất cân đối về tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty, theo đó ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc tái cấu trúc lại Công ty, bổ sung vốn chủ sở hữu trong thời gian tới và việc gia hạn được thời gian thanh toán các khoản phải trả ngắn hạn. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các bút toán điều chỉnh (nếu có) do sự kiện không chắc chắn nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” nêu trên, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- Phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Kim Hùng
Tổng Giám đốc
Giấy CN - ĐKHN Kiểm toán số: 2336-2018-129-1

Nguyễn Ngọc Hiền
Kiểm toán viên
Giấy CN - ĐKHN Kiểm toán số: 2936-2021-129-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.677.974.520	8.577.041.551
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	155.864.522	11.315.572
1. Tiền	111		155.864.522	11.315.572
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.958.534.540	1.882.946.688
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	977.888.219	875.539.647
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		81.188.965	81.189.885
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		899.457.356	926.217.156
III. Hàng tồn kho	140	V.3	6.563.575.458	6.682.779.291
1. Hàng tồn kho	141		6.563.575.458	6.682.779.291
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.535.805.125	11.922.919.677
I. Tài sản cố định	220		4.081.243.371	4.489.657.923
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	4.081.243.371	4.489.657.923
- Nguyên giá	222		16.968.162.580	16.968.162.580
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.886.919.209)	(12.478.504.657)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.433.261.754	7.433.261.754
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.5	7.433.261.754	7.433.261.754
III. Tài sản dài hạn khác	260		21.300.000	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		21.300.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.213.779.645	20.499.961.228

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN TUYÊN QUANGSố nhà 146, đường Tân Hà, tổ 13, phường Minh Xuân,
thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		32.505.814.913	32.174.430.579
I. Nợ ngắn hạn	310		32.505.814.913	32.174.430.579
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	10.603.535.904	10.581.026.494
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	1.321.219.948	1.295.694.178
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.6	55.083.469	8.158.868
4. Phải trả người lao động	314		535.848.600	526.314.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	12.910.793.042	12.609.570.282
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	7.079.333.950	7.153.666.757
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(12.292.035.268)	(11.674.469.351)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	(12.292.035.268)	(11.674.469.351)
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		780.000.000	780.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		780.000.000	780.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		4.945.230.030	4.945.230.030
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.776.640	11.776.640
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		14.318.633	14.318.633
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.043.360.571)	(17.425.794.654)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		(17.425.794.654)	(16.026.622.857)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		(617.565.917)	(1.399.171.797)
	b			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.213.779.645	20.499.961.228

Người lập biểu

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 09 năm 2021


Vũ Lan Anh
Kế toán trưởngTrần Hoài Trung
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.544.025.702	626.193.915
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	V.12	2.544.025.702	626.193.915
4. Giá vốn hàng bán	11	V.13	1.790.890.096	481.382.313
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		753.135.606	144.811.602
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.14	145.994	28.614
7. Chi phí tài chính	22		59.925.502	186.349.199
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		59.925.502	186.349.199
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		742.587.724	777.170.317
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(49.231.626)	(818.679.300)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		568.334.291	580.492.497
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(568.334.291)	(580.492.497)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(617.565.917)	(1.399.171.797)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(617.565.917)	(1.399.171.797)





Người lập biểu

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 09 năm 2021

Vũ Lan Anh
Kế toán trưởng

Trần Hoài Trung
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN TUYÊN QUANGSố nhà 146, đường Tân Hà, tổ 13, phường Minh Xuân,
thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**MÃ SỐ B 03-DN**
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.721.605.470	1.782.527.978
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(198.495.491)	(368.272.649)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(389.848.200)	(483.556.000)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	41.487.643	156.450.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.844.825.406)	(428.228.049)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	329.924.016	658.921.280
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(21.300.000)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	145.994	28.614
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.154.006)	28.614
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	98.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(262.221.060)	(682.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(164.221.060)	(682.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	144.548.950	(23.550.106)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	11.315.572	34.865.678
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	155.864.522	11.315.572



Vũ Lan Anh
Kế toán trưởng



Trần Hoài Trung
Giám đốc

Người lập biểu
Tuyên Quang, ngày 22 tháng 09 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN TUYỀN QUANG

Số nhà 146, đường Tân Hà, tổ 13, phường Minh Xuân,
thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần chế biến lâm sản Tuyên Quang được thành lập Theo giấy đăng ký kinh doanh số 5000137010, đăng ký lần đầu ngày 10/08/1998, thay đổi lần thứ 11 ngày 03/11/2019.

Vốn điều lệ: 780.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi triệu Việt Nam đồng./.)

Trụ sở chính: Số nhà 146, đường Tân Hà tổ 13, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- ✓ Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván móng khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty không có đặc điểm hoạt động kinh doanh có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có Công ty con, liên doanh, liên kết, chi nhánh, đơn vị phụ thuộc.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Kế toán trên máy vi tính.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám Đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-ĐN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, tỷ lệ khấu hao các tài sản cố định của Công ty được quy định cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 45
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Theo quyết định của chủ sở hữu, phù hợp với Điều lệ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN TUYẾN QUANGSố nhà 146, đường Tân Hà, tổ 13, phường Minh Xuân,
thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. TIỀN**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	86.890.630	4.220.733
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	68.973.892	7.094.839
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>155.864.522</u>	<u>11.315.572</u>

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Cty TNHH Hoàng Bình	312.284.094	312.284.094
Công ty cổ phần PLACO - Tập đoàn PLACO	130.163.409	130.163.409
Công ty CP Thiết bị phụ tùng máy XD Việt ý	110.541.878	8.193.306
Bùi Tất Cường	87.176.997	87.176.997
Huỳnh -Nhà máy nội thất tàu thủy Shinec	86.980.208	86.980.208
Trần Hoài Trung	81.478.392	81.478.392
Đối tượng khác	169.263.241	169.263.241
Cộng	<u>977.888.219</u>	<u>875.539.647</u>

3. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	154.754.276	-	154.754.276	-
Công cụ, dụng cụ	28.408.685	-	28.408.685	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.029.286.598	-	6.045.286.598	-
Thành phẩm	351.125.899	-	454.329.732	-
Cộng	<u>6.563.575.458</u>	<u>-</u>	<u>6.682.779.291</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIÊN LÂM SẢN TUYỀN QUANGSố nhà 146, đường Tân Hà, tổ 13, phường Minh Xuân,
thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2020	8.079.197.089	8.396.650.127	492.315.364	16.968.162.580
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	8.079.197.089	8.396.650.127	492.315.364	16.968.162.580
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2020	3.707.688.434	8.278.500.859	492.315.364	12.478.504.657
- Khấu hao trong năm	343.070.159	65.344.393	-	408.414.552
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	4.050.758.593	8.343.845.252	492.315.364	12.886.919.209
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2020	4.371.508.655	118.149.268	-	4.489.657.923
Tại ngày 31/12/2020	4.028.438.496	52.804.875	-	4.081.243.371

5. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
BP rừng lâm trường Ngòi Là	7.433.261.754	7.433.261.754
Cộng	7.433.261.754	7.433.261.754

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Phát sinh tăng trong năm	Phát sinh giảm trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	8.158.868	254.402.570	207.477.969	55.083.469
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	225.136.440	225.136.440	-
Các loại thuế khác	-	2.662.166	2.662.166	-
Cộng	8.158.868	482.201.176	435.276.575	55.083.469
	01/01/2020	Phát sinh tăng trong năm	Phát sinh giảm trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	126.228.284	126.228.284	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-
Cộng	-	126.228.284	126.228.284	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN TUYỀN QUANGSố nhà 146, đường Tân Hà, tổ 13, phường Minh Xuân,
thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Công ty phát triển công nghiệp Tuyên Quang	9.616.205.881	9.616.205.881
Công ty cổ phần lâm Sản	649.840.161	688.830.571
CTY TNHH I Thành viên Thuý Vân	93.357.570	93.357.570
Minh Cẩm	58.410.000	58.410.000
Trung tâm giống cây Lâm nghiệp	50.155.796	50.155.796
Đối tượng khác	135.566.496	74.066.676
Cộng	<u>10.603.535.904</u>	<u>10.581.026.494</u>

8. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Cửa hàng Gas Thành Uyên	396.000.000	396.000.000
Công ty TNHH MTV thanh Ngọc	330.000.000	330.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất và Kinh doanh TM Bảo	53.264.995	166.936.078
Doanh nghiệp tư nhân Hương Toàn	225.000.000	144.000.000
Công ty TNHH MTV MTV Đầu tư và Thương mại Đại		
Dương	98.266.000	98.266.000
Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Tuyên Quang	-	89.000.000
Đối tượng khác	218.688.953	71.492.100
Cộng	<u>1.321.219.948</u>	<u>1.295.694.178</u>

9. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	<u>12.910.793.042</u>	<u>12.609.570.282</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết		
Kinh phí công đoàn;	56.653.133	50.065.477
Bảo hiểm xã hội	3.024.272.941	3.164.260.947
Bảo hiểm y tế	-	11.058.198
Bảo hiểm thất nghiệp	-	12.596.956
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
- Lâm trường Ngòi Là	150.434.317	150.434.317
- Phải trả khác	5.887.279.733	5.887.279.733
- Phạt chậm đóng BHXH	3.792.152.918	3.333.874.654
Cộng	<u>12.910.793.042</u>	<u>12.609.570.282</u>

10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>01/01/2020</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Phát sinh giảm</u>	<u>31/12/2020</u>
	VND	VND	VND	VND
Kho bạc nhà nước	6.010.000.000	-	-	6.010.000.000
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Tuyên Quang	947.767.763	89.888.253	164.221.060	873.434.956
Dự án thanh niên xung phong Ngòi Là	195.898.994	-	-	195.898.994
Cộng	<u>7.153.666.757</u>	<u>89.888.253</u>	<u>164.221.060</u>	<u>7.079.333.950</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Các khoản mục khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2019	780.000.000	11.776.640	10.718.630.030	(16.026.622.857)	14.318.633	(4.501.897.554)
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	-	(1.399.171.797)	-	(1.399.171.797)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Tăng/ (Giảm) khác	-	-	(5.773.400.000)	-	-	(5.773.400.000)
Số dư tại ngày 01/01/2020	780.000.000	11.776.640	4.945.230.030	(17.425.794.654)	14.318.633	(11.674.469.351)
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	-	(617.565.917)	-	(617.565.917)
Tăng/ (Giảm) khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	780.000.000	11.776.640	4.945.230.030	(18.043.360.571)	14.318.633	(12.292.035.268)

Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tuyên Quang	393.600.000	393.600.000
Các cổ đông khác	386.400.000	386.400.000
Cộng	780.000.000	780.000.000

12. DOANH THU

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng	2.544.025.702	626.193.915
Cộng	2.544.025.702	626.193.915
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Doanh thu thuần	2.544.025.702	626.193.915

13. GIÁ VỐN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.790.890.096	481.382.313
Cộng	1.790.890.096	481.382.313

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	145.994	28.614
Cộng	145.994	28.614

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN TUYỀN QUANG

Số nhà 146, đường Tân Hà, tổ 13, phường Minh Xuân,
thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KDG Việt Nam – Chi nhánh



Người lập biểu

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 09 năm 2021

Vũ Lan Anh
Kế toán trưởng

Trần Hoài Trung
Giám đốc